

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ M
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 80 /2017/HNGĐ-ST

Ngày: 04/8/2017

V/ v tranh chấp “Ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Ngọc Hạnh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Hơ**.

2. Bà **Nguyễn Thị Minh Yển**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Phạm Vân Trang** - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố M tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố M, tỉnh Tiền Giang: Bà **Nguyễn Thị Cẩm Thúy** - Kiểm sát viên .

Trong ngày 04 tháng 8 năm 2017, tại Tòa án nhân dân thành phố M xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 217/2017/TLST-HNGĐ ngày 07/4/2017 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2017/QĐ-ST ngày 26/6/2017 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tố Q, sinh năm 1983 (Có mặt)

Địa chỉ: Hẻm 1, ấp 2, xã T, Thành phố M, Tiền Giang.

* Bị đơn: Ông Phạm Hoàn T, sinh năm 1980 (Vắng mặt)

Địa chỉ: số 14/9 L, Phường 6, Thành phố M, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản khai và tại Tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị Tố Q trình bày: bà và ông Phạm Hoàn T là vợ chồng có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc nhưng đến khoảng giữa năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trầm trọng, ông bà đã ly thân từ khoảng tháng 11/2016 đến nay. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên Phạm Hoàn Thảo N, sinh ngày 24/02/2008. Khi ly hôn, bà Q yêu cầu được nuôi cháu N, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: bà trình bày không có.

Quá trình tố tụng, Tòa án nhân dân Thành phố M đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng qui định nhưng ông Phạm Hoàn T không nộp bản tự khai hoặc các văn bản thể hiện ý chí của mình đối với yêu cầu của N đơn, đồng thời

ông T cũng vắng mặt tại các phiên hòa giải. Tại phiên toà hôm nay, ông T cũng vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố M tham gia phiên toà có ý kiến phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng:

+ Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử: Thẩm phán và Thư ký chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đối với bị đơn không có mặt theo các văn bản tố tụng triệu tập của Tòa án nên bị đơn chưa tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, xét thấy việc bà Nguyễn Thị Tố Q xin ly hôn với ông Phạm Hoàn T là có cơ sở, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tố Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp “Ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố M.

Xét thấy bà Nguyễn Thị Tố Q và ông Phạm Hoàn T là vợ chồng, được Ủy ban nhân dân phường 6, Thành phố M, tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Về thực trạng hôn nhân: Tại Tòa bà Q trình bày mâu thuẫn giữa vợ chồng bà xuất phát từ việc các bên bất đồng quan điểm trầm trọng, ông bà đã ly thân từ khoảng tháng 11/2016 đến nay, hiện tình cảm vợ chồng không còn, ông bà không còn cơ hội hàn gắn.

Quá trình tố tụng, Tòa án nhân dân Thành phố M đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng qui định nhưng ông Phạm Hoàn T không nộp bản tự khai hoặc các văn bản thể hiện ý chí của mình đối với yêu cầu của N đơn, đồng thời ông T cũng vắng mặt tại các phiên hòa giải. Tại phiên toà hôm nay, ông T cũng vắng mặt. Do đó việc bà Q yêu cầu ly hôn là có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: việc bà Q yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Phạm Hoàn Thảo N, sinh ngày 24/02/2008, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung, xét yêu cầu của bà phù hợp với thực tế, phù hợp với nguyện vọng của con chung, không trái với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về tài sản chung và nợ chung: bà trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Nhận định ý kiến của VKS: Tại Tòa, đại diện Viện kiểm sát có ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đối với bị đơn không có mặt theo các văn bản tố tụng triệu tập của Tòa án nên bị đơn chưa tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về án phí: bà Q phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Tố Q.

1/ Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Tố Q được ly hôn với ông Phạm Hoàn T.

2/ Về con chung: Giao cháu Phạm Hoàn Thảo N, sinh ngày 24/02/2008 cho bà Nguyễn Thị Tố Q trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận bà Nguyễn Thị Tố Q không yêu cầu ông Phạm Hoàn T cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Phạm Hoàn T được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: không có.

4/ Về án phí: Bà Nguyễn Thị Tố Q phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Bà đã nộp theo biên lai 31686 ngày 04/4/2017 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố M, xem như đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Nguyễn Thị Tố Q có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án, ông Phạm Hoàn T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời

hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.
- VKS nhân dân Thành phố M.
- Cơ quan Thi hành án dân sự TP M .
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

(Đã ký)

Trần Ngọc Hạnh